

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HS-ST
Ngày 03-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Quân;

2. Ông Bùi Duy Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Đình Q, sinh năm 1972, tại tỉnh Quảng Trị; hộ khẩu thường trú: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: Tổ 1, khu phố Ô, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 08/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T1, sinh năm 1948 và bà Lê Thị N, sinh năm 1948; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1979 và có ba người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trung H – Luật sư Công ty Luật TNHH C chi nhánh T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Lê Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (cha bị hại); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (vợ bị cáo), có mặt.

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (cha bị hại); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Đình Q là công nhân làm việc tại Công ty G thuộc khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và tạm trú tại tổ 4, khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Q có giấy phép lái xe mô tô theo quy định.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 28/6/2018, Q điều khiển xe mô tô biển số 86B8-242.51 theo đường ĐT746 hướng từ phường T về phường K, thị xã T. Khi đến cổng vào Khu công nghiệp N, Q điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái vào khu công nghiệp để về phòng trọ. Khi điều khiển xe chuyển hướng, Q không chú ý quan sát, không nhường đường cho các phương tiện lưu thông theo chiều ngược lại nên xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 67B2-058.02 do Lê Văn Th điều khiển đang lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả, Trương Đình Q bị thương tích nhẹ, Lê Văn Th bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương, sau đó tử vong vào ngày 05/7/2018.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra trên khu vực giao lộ ngã 3 giữa đường ĐT746 với đường vào Khu công nghiệp N. Mặt đường ĐT746 được trải nhựa bằng phẳng, rộng 26 mét, chia đường ra thành 02 phần đường, mỗi phần đường rộng 12 mét, giữa mặt đường có dây phân cách cố định có chiều rộng 2 mét, cao 0,20 mét. Tại khu vực giao lộ không có dây phân cách. Đoạn đường có đèn chiếu sáng, có biển báo cấm đi ngược chiều.

Sau tai nạn hiện trường có các dấu vết: Vết sạt (1); vết cày thứ nhất (2); vết cày thứ 2 (3); xe mô tô biển số 86B8-242.51 (4); vết máu thứ nhất (5); vết máu thứ hai (6); xe mô tô biển số 67B2-058.02 (7).

Chọn cột biển báo ở giữa dây phân cách cố định, bên phải hướng từ cổng Khu công nghiệp N về T làm điểm mốc cố định. Chọn mép đường bên phải của đường ĐT746 theo hướng ngã tư phường K về phường T làm chuẩn.

- Xe mô tô biển số 86B8-242.51 (4): Sau tai nạn ngã về bên phải, đầu xe quay chéo hướng lề trái, đuôi xe quay chéo hướng lề phải. Trục trước cách lề chuẩn 4,60 mét; trục sau cách lề chuẩn là 3,80 mét. Trục trước cách điểm mốc là 14,60 mét.

- Xe mô tô biển số 67B2-058.02 (7): Sau tai nạn xe ngã về bên phải, nằm trong lề chuẩn, đầu xe quay chéo hướng K, đuôi xe quay hướng ngược lại. Trục trước cách lề chuẩn 1,80 mét; trục sau cách lề chuẩn là 2,80 mét. Trục sau cách điểm mốc là 17,80 mét, cách trục sau xe mô tô biển số 86B8-242.51 là 6,40 mét.

- Vết sạt (1): Có kích thước 35x10cm hướng từ K về T. Tâm vết sạt cách lề chuẩn 4,70 mét.

- Vết cày (2): Do xe mô tô biển số 86B8-242.51 để lại sau tai nạn, chiều dài 3,00 mét hướng từ K về T. Điểm đầu vết cày cách lề chuẩn 4,70 mét, cách vị trí (1) 0,60 mét. Điểm cuối vết cày là vị trí xe mô tô biển số 86B8-242.51 nằm ngã tại hiện trường (4).

- Vết cày (3): Do xe mô tô biển số 67B2-058.02 để lại sau tai nạn, chiều dài 7,70 mét, hướng từ K về H, chệch vào lề chuẩn. Điểm đầu vết cày cách lề chuẩn 3,60 mét, cách vị trí (1) 1,80 mét.

- Vết máu thứ nhất (5): Vết máu này nằm trên mặt đường nhựa, gần vị trí xe mô tô biển số 86B8-242.51. Cách lề chuẩn 4,90 mét, cách trực trước xe mô tô biển số 86B8-242.51 là 1,70 mét.

- Vết máu thứ hai (6): Vết máu này nằm trên đường cày của vết cày xe mô tô biển số 67B2-058.02 tiếp giáp mép lề chuẩn. Cách trực trước xe mô tô biển số 67B2-058.02 là 2,00 mét.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 516/GĐPY ngày 08/7/2018 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Lê Văn Th là đa chấn thương, vỡ hộp sọ, tụ máu nội sọ, dập não, dập hai phổi.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T tạm giữ vật chứng và các tài liệu đồ vật có liên quan gồm:

- 01 xe mô tô 67B2-058.02.
- 01 xe mô tô 86B8-242.51; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B8-242.51; 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Trương Đình Q.

Đối với xe mô tô 67B2-058.02, quá trình điều tra xác định là do ông Lê Văn T (cha của Lê Văn Th) mua lại và giao cho Th sử dụng. Qua tra cứu xác định xe do ông Lê Văn Đ (sinh năm 1985; HKTT: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang) đứng tên chủ sở hữu, hiện nay ông Đ không có mặt tại địa phương, làm gì ở đâu không rõ. Qua tra cứu tàng thư vật chứng xác định xe mô tô biển số 67B2-058.02 không có trong tàng thư vật chứng. Ngày 22/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 47 trả lại xe 67B2-058.02 cho ông Lê Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra vợ của bị cáo là bà Nguyễn Thị G đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 30.000.000 đồng chi phí mai táng, tổn thất tinh thần. Đại diện bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q và có đơn yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường thêm 60.000.000 đồng chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần, cấp dưỡng. Ngày 20/6/2019, ông Lê Văn T có đơn xin thỏa thuận bồi thường đề nghị bị cáo bồi thường 30.000.000 đồng và bị cáo đã giao đủ số tiền 30.000.000 đồng cho ông T.

Quá trình điều tra xác định bị hại Lê Văn Th có mẹ là Võ Thị T2, sinh năm 1975 nhưng bà T2 đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2008, hiện không rõ đi đâu, làm gì. Bị hại Lê Văn Th chưa đăng ký kết hôn và không có căn cứ xác định cháu Lê Thị L, sinh năm 2017 là con của bị hại. Quá trình điều tra xác minh không xác định được địa chỉ cư trú của cháu Lê Thị L và mẹ là bà Lê Thị Ngọc N.

Cáo trạng số 85/CT-VKSTU ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Trương Đình Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Ông Lê Văn T trình bày: Ông T đã nhận đủ 60.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo và gia đình bị cáo. Bị hại Th chưa kết hôn với ai, ông T không có chứng cứ chứng minh Lê Văn Th có con với bà Lê Thị Ngọc N, ông T không biết bà Lê Thị Ngọc N đang ở đâu, làm gì. Đối với bà Võ Thị T2 là mẹ ruột

của Th đã bỏ đi biệt tích hơn mười năm nay, không có tin tức. Ông T đại diện cho bị hại không yêu cầu gì khác, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà G là vợ của bị cáo Q, sau khi chồng bà gây ra tai nạn vợ chồng bà đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 60.000.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng nên bà không yêu cầu bị cáo trả lại. Xe mô tô biển số 86B8-242.51 là tài sản chung của vợ chồng, bà G xin nhận lại xe để sử dụng. Bị cáo là lao động chính, gia đình khó khăn phải nuôi 03 con đang đi học, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T: Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Bị cáo vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, gây tai nạn làm chết 01 người. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Trương Đình Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 67B2-058.02, quá trình điều tra xác định cha của bị hại ông Lê Văn T là chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại xe cho ông Lê Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại 01 xe mô tô và 01 giấy đăng ký mô tô biển số 86B8-242.51 cho bà Nguyễn Thị G là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng A1 tên Trương Đình Q.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo như cáo trạng của Viện kiểm sát, thống nhất về trách nhiệm dân sự và biện pháp xử lý vật chứng như ý kiến của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau tai nạn bị cáo đã chủ động liên hệ gia đình bị hại để bồi thường thiệt hại; bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi ba người con đang đi học, được địa phương xác nhận gia đình khó khăn, đại diện bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo). Ngoài ra, căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản khám nghiệm phương tiện thể hiện bị hại cũng có một phần lỗi khi tai nạn xảy ra: Bị hại không bật đèn xe khi lưu thông, lưu thông với tốc độ cao thể hiện qua vết cày xe của bị hại dài 7,70m còn vết cày xe của bị cáo dài 03m và đèn xe của bị hại ở chế độ “tắt” trong khi đó xe bị cáo có đèn tín hiệu bên trái đang hoạt động, sáng đèn, công tắc đèn chiếu sáng hoạt động chế độ bật sáng (bút lục số 5-6, 7- 8, 9-10). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lao động giúp ích gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Khi tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên và người bào chữa giữ nguyên quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Bị cáo Trương Đình Q thống nhất với lời bào chữa của Luật sư, trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để có điều kiện đi làm nuôi con, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại thời điểm xét xử, mẹ của bị hại là bà Võ Thị T2 không có mặt tại địa phương, đã mất liên lạc từ năm 2008, không rõ đi đâu, làm gì; không có căn cứ xác định bị hại có vợ, con nên Tòa án xác định người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Văn T - cha của bị hại.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Đình Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/6/2018, bị cáo Trương Đình Q điều khiển xe mô tô chuyển hướng rẽ trái sang phần đường ngược chiều do không chú ý quan sát, không nhường đường cho các phương tiện lưu thông theo chiều ngược lại nên dẫn đến tai nạn giao thông gây ra cái chết cho bị hại Lê Văn Th. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính, được UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng của người khác. Việc thiếu ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ của người tham gia giao thông là nguyên

nhân chính dẫn đến nhiều vụ tai nạn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân. Do đó, đối với hành vi của bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân, đặc biệt là người tham gia giao thông thiếu ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án để tạo điều kiện cho bị cáo lao động nuôi sống gia đình và trở thành công dân có ích, cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên không cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 67B2-058.02, quá trình điều tra xác định cha của bị hại ông Lê Văn T là chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại xe cho ông Lê Văn T là phù hợp;

- Đối với xe mô tô biển số 86B8-242.51 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B8-242.51 tên Nguyễn Thị G là tài sản hợp pháp của bà G nên hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G;

- Đối với giấy phép lái xe hạng A1 tên Trương Đình Q không liên quan đến việc phạm tội cần hoàn trả cho bị cáo Trương Đình Q.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 308, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Đình Q phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trương Đình Q 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án (03/7/2019).

Giao bị cáo Trương Đình Q cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G 01 (một) xe mô tô và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 86B8-242.51 tên Nguyễn Thị G, địa chỉ: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, có số khung: 5383EZ010437, số máy JC54E3017290, màu sơn: Đen Ghi, nhãn hiệu: HONDA-FUTURE (xe mô tô hư hỏng do tai nạn giao thông – có biên bản khám nghiệm phương tiện).

- Hoàn trả cho bị cáo Trương Đình Q 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 tên Trương Đình Q, sinh năm 1972. ĐKHKTT: Thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, do Sở GTVT TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/6/2015, có giá trị không thời hạn (Thẻ Pet).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/6/2019).

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Buộc bị cáo Trương Đình Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (1b);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1b);
- VKSND thị xã T (1b);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1b);
- Công an thị xã T (1b);
- Chi cục THADS thị xã T (1b);
- Bị cáo, người tham gia tố tụng (3b);
- UBND p. H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (1b);
- Lưu: HS, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga

